**9. Thủ tục cấp giấy phép xây dựng cho dự án.**

* Trình tự thực hiện:
	+ Bước 1: Chủ đầu tư (Doanh nghiệp) nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu chính.
	+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, ghi biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Quy hoạch - Kiến trúc tác nghiệp.
	+ Bước 3: Phòng Quy hoạch - Kiến trúc xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa và tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực có liên quan (nếu thấy cần thiết), soạn giấy phép xây dựng trình lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt.
	+ Bước 4: Phòng Quy hoạch - Kiến trúc chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
	+ Bước 5: Chủ đầu tư (Doanh nghiệp) nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

*(Khi đến nhận kết quả phải có biên nhận. Trường hợp nhận thay phải có biên nhận và giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền của cá nhân, tổ chức đề nghị cấp)*.

* Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Sở Xây dựng.
* Thành phần, số lượng hồ sơ:
	+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1) 01 bản chính đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo Mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giangban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang).

2) 01 bản sao (có chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn; nếu không có chứng thực thì phải mang theo bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

2.1 Các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng. Cụ thể:

a) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 1987, Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2001, Luật đất đai năm 2003.

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12.

c) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định tại Nghị định số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị, Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở.

d) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định tại Pháp lệnh nhà ở năm 1991; Luật nhà ở năm 2005; Nghị định số [81/2001/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=81/2001/NĐ-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam; Nghị định số [95/2005/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=95/2005/NĐ-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng; Nghị định số [90/2006/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=90/2006/NĐ-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở; Nghị định số [51/2009/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=51/2009/NĐ-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 6 năm 2009 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 19/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam; Điều 31, Điều 32 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các giấy chứng nhận khác về quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.

đ) Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 và quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được cơ quan đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

e) Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất hoặc Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

g) Báo cáo rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra và quyết định xử lý theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

h) Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

i) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

k) Hợp đồng thuê đất được giao kết giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.

l) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã có giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng đề nghị được cấp giấy phép xây dựng sử dụng vào mục đích khác với mục đích sử dụng đất đã được ghi trên giấy tờ đó.

m) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng để xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.

2.2 Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất để cấp phép xây dựng đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất gồm: một trong các loại hợp đồng (thuê đất, góp vốn, hợp tác kinh doanh) hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình đó được công chứng, chứng thực.

3) 02 bộ bản vẽ (bản chính) thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

a) Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500.

b) Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình.

c) Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

d) Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200.

4) 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

5) Quyết định phê duyệt dự án kèm theo văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, văn bản tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở (nếu có) của cơ quan quản lý Nhà nước về công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định.

6) Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.

7) Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế (nếu có).

8) Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm(Mẫu bản cam kết của chủ đầu tư theo Mẫu số 5 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).

9) Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) và các bản vẽ thiết kế kỹ thuật công trình, bản vẽ hệ thống PCCC tỷ lệ 1/50 - 1/200, phải được cơ quan Cảnh sát PCCC đóng dấu đã thẩm duyệt về PCCC (theo quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND). *(nếu có)*

10) Đối với công trình thuộc danh mục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường: phải có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thông báo xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường). *(nếu có)*

11) Văn bản chấp thuận của tổ chức có thẩm quyền thế chấp đối với các trường hợp nhà, đất đang thế chấp.

12) Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm.

**\* Sau khi có giấy phép xây dựng và hoàn chỉnh các yêu cầu thực hiện trong giấy phép xây dựng (thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy), Chủ đầu tư gửi thông báo khởi công xây dựng cho chính quyền địa phương và cơ quan cấp phép xây dựng thì mới được tiến hành khởi công xây dựng công trình.**

* + Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
* Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.
* Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng tỉnh An Giang.
* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, Cá nhân.
* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn xin cấp giấy phép xây dựng (theo Mẫu phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND);

+ Bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế áp dụng (theo mẫu phụ lục số 03 của Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).

* Phí, lệ phí: 150.000 đồng/giấy phép xây dựng.
* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng.
* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc cấp giấy phép xây dựng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

+ Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành;

* + Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.
	+ Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thuỷ lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.
	+ Công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
	+ Thiết kế phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện và phải được thẩm định theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP.
* Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
	+ Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
	+ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ **Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;**
	+ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
	+ Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
	+ Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
	+ Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;
	+ Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;
	+ Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
	+ Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép tư xây dựng;
	+ Căn cứ Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 cảu UBND tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 2 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.
	+ Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang.
	+ Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

**Phụ lục 1**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBNDngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

*(Sử dụng cho công trình:* ***dự án****)*

Kính gửi: Sở Xây dựng An Giang.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Thông tin về chủ đầu tư:**- Tên chủ hộ: - Địa chỉ liên hệ: - Số nhà: .................... Đường/phố ....................... Phường/xã - Quận/huyện Tỉnh/thành phố: - Số điện thoại: **2. Thông tin công trình:**- Địa điểm xây dựng: - Lô đất số: ....................... Diện tích ...................................... m2.- Tại số nhà: ..................... Đường/phố - Phường/xã Quận/huyện - Tỉnh, thànhphố: **3. Nội dung đề nghị cấp phép:**- Tên dự án: + Đã được: ......................phê duyệt, theo Quyết định số: ........... ngày .................- Gồm: *(n)* công trìnhTrong đó:+ Công trình số *(1-n)*: *(tên công trình)*\* Loại công trình: .................... Cấp công trình: \* Các thông tin chủ yếu của công trình: **4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:** - Tên đơn vị thiết kế: - Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số .............. Cấp ngày - Tên chủ nhiệm thiết kế: - Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ................ do .............. Cấp ngày: - Địa chỉ: - Điện thoại: - Giấy phép hành nghề số (nếu có): ........... cấp ngày **5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:**............. tháng.**6. Cam kết:** Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*1 -2 -

|  |  |
| --- | --- |
|   | *..........., ngày ....... tháng... năm .....***Người làm đơn***Ký, ghi rõ họ tên)* |

 |

**PHỤ LỤC SỐ 3**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBNDngày 30 tháng 12năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------**

**BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ**

1. Tổ chức thiết kế:

1.1. Tên:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Số điện thoại:

1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:

2. Kinh nghiệm thiết kế:

2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:

a)

b)

2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:

a) Số lượng:

Trong đó:

- Kiến trúc sư:

- Kỹ sư các loại:

b) Chủ nhiệm thiết kế:

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ *(kèm photocopy chứng chỉ)*:

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*:

c) Chủ trì thiết kế các bộ môn *(kê khai đối với tất cả các bộ môn)*:

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ *(kèm photocopy chứng chỉ)*:

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*:

|  |  |
| --- | --- |
|   | *......, ngày ..... tháng .... năm ...***Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế***(Ký ghi rõ họ tên)* |

**PHỤ LỤC SỐ 5** (mẫu số 5)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
 **BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở**

**RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIỀN KỀ**

**Kính gửi:**

Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ): ………………………………………

Người đại diện: Chức vụ (nếu có):…………

Địa chỉ liên hệ: Số nhà: …..........Đường..................... Phường/xã……………….…..huyện/thành phố/thị xã………….tỉnh………..

Số điện thoại:……………………….

Hiện tại tôi (tên chủ đầu tư)……………….….đang xin phép xây dựng công trình………………………..tại thửa đất số: ......... tờ bản đồ số: ......... Diện tích ......... m2, xã/phường…………..huyện/thành phố/thị xã…………tỉnh……

Nay tôi (tên chủ đầu tư)……………….….xincam kết:

1. Thực hiện đúng theo nội dung giấy phépxây dựng, hồ sơ được duyệtvà các quy định pháp luật về xây dựng.

2. Có biện pháp che chắn, chống đỡ trong khi thi công đảm bảo các điều kiện an toàn lao động và công tác vệ sinh môi trường cho các hộ xung quanh.

3. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự ổn định, an toàn công trình được phép xây dựng trong quá trình thi công.

4.Trong quá trình thi côngxây dựng, nếu công trình liền kề, lân cận có dấu hiệu bị lún, nứt, thấm, dột hoặc có nguy cơ sập đổ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ) gây ra, chủ đầu tư phải phối hợp với chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình liền kề, lân cận để kiểm tra, xác định nguyên nhân và thống nhất biện pháp khắc phục. Trường hợp các bên không thống nhất thì tranh chấp phát sinh được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình thi công nếu có điều gì không đúng với nội dung cam kết trên, tôi (tên chủ đầu tư)………….xin chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………,ngày…....tháng…....năm...........***CHỦ ĐẦU TƯ***(Ký tên, đóng dấu)* |